



TƯ PHÁP HÓA QUYỀN MÔI TRƯỜNG:

Từ chuẩn mực chính sách đến cơ chế bảo vệ quyền con người

LÊ THỊ ANH XUÂN

Khoa Luật Quốc tế, Trường Đại học Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội

1. QUYỀN ĐƯỢC SỐNG TRONG MÔI TRƯỜNG TRONG LÀNH

Trong những thập kỷ gần đây, các thách thức môi trường toàn cầu như biến đổi khí hậu, suy thoái đa dạng sinh học và ô nhiễm không chỉ gây ra những hệ lụy về môi trường mà còn đe dọa trực tiếp đến các quyền cơ bản của con người, bao gồm quyền sống, quyền bảo vệ sức khỏe và an ninh sinh kế. Từ thực tiễn này, quyền được sống trong môi trường trong lành đang dịch chuyển từ một mục tiêu chính sách mang tính định hướng sang một quyền nền tảng, gắn kết hữu cơ với các quyền con người thiết yếu và mục tiêu phát triển bền vững [6].

Mặc dù hệ thống pháp luật môi trường quốc gia và quốc tế ngày càng được hoàn thiện, nhưng thực tiễn quản trị cho thấy các công cụ hành chính vẫn tồn tại nhiều hạn chế trong việc ngăn ngừa và khắc phục các tổn hại môi trường. Sự xung đột giữa mục tiêu bảo tồn hệ sinh thái và lợi ích kinh tế ngắn hạn tiếp tục tạo ra những khoảng cách lớn trong khâu thực thi chính sách. Trong bối cảnh đó, hệ thống tòa án dần trở thành cơ chế then chốt để các chủ thể xã hội tìm kiếm sự bảo vệ pháp lý thực chất đối với quyền môi trường.

Thực tiễn xét xử giai đoạn vừa qua ghi nhận vai trò ngày càng quan trọng của cơ quan tư pháp trong việc định nghĩa và cụ thể hóa nội hàm pháp lý của quyền môi trường. Thông qua các phán quyết, tòa án không chỉ phân xử các vụ việc đơn lẻ mà còn góp phần xác lập các chuẩn mực hành vi, làm rõ nghĩa vụ của Nhà nước và trách nhiệm giải trình của các chủ thể liên quan. Quá trình "tư pháp hóa" này tạo ra sự thay đổi về chất trong mối quan hệ giữa Nhà nước và xã hội trong việc quản trị các nguồn lực tự nhiên [6].

Trong bối cảnh đó, việc tổng hợp và phân tích thực tiễn xét xử về quyền được sống trong môi trường trong lành trong giai đoạn 2015–2025 có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Báo cáo Quyền được sống trong môi trường trong lành trong thực tiễn xét xử: Mười năm nhìn từ các phán quyết tư pháp (2015–2025) do Chương trình Môi trường Liên hợp quốc công bố đã hệ thống hóa hơn một thập kỷ phát triển án lệ về quyền môi trường trong lành tại nhiều cấp tài phán

khác nhau, từ quốc gia đến khu vực và quốc tế. Thay vì tiếp cận quyền môi trường như một khái niệm trừu tượng, các phán quyết được tổng hợp trong giai đoạn này phản ánh cách thức quyền được cụ thể hóa và vận hành trong thực tiễn xét xử.

2. TƯ PHÁP HÓA QUYỀN MÔI TRƯỜNG

Sự gia tăng các tranh chấp về ô nhiễm, suy thoái hệ sinh thái và biến đổi khí hậu đã đưa các vấn đề môi trường trở thành đối tượng của các phán quyết tư pháp. Thực tiễn này phản ánh bước chuyển quan trọng trong quản trị môi trường: thay vì chỉ được điều chỉnh bằng các công cụ hành chính, môi trường đang từng bước được đặt trong không gian của công lý quyền con người.

Việc viện dẫn quyền được sống trong môi trường trong lành tại tòa án cho thấy sự thay đổi về phương thức tiếp cận. Trọng tâm xem xét của tòa án hiện nay không chỉ dừng lại ở tính hợp pháp về thủ tục mà tập trung vào hệ quả thực chất đối với môi trường sống. Môi trường đã chuyển hóa từ đối tượng điều chỉnh của pháp luật chuyên ngành thành một lợi ích pháp lý độc lập, được bảo vệ bằng các chuẩn mực nhân quyền. Qua đó, tòa án xác lập quyền môi trường là một quyền có giá trị tự thân, gắn bó hữu cơ với quyền sống, quyền sức khỏe và nhân phẩm con người, thay vì chỉ đóng vai trò bổ trợ.

Một đặc điểm nổi bật của quá trình tư pháp hóa là sự khẳng định các nghĩa vụ tích cực của Nhà nước. Tòa án yêu cầu Nhà nước không chỉ dừng lại ở nghĩa vụ "không gây tổn hại" mà phải chủ động phòng ngừa rủi ro, kiểm soát các hoạt động có nguy cơ gây ô nhiễm và đảm bảo các chính sách phát triển không dẫn đến hệ quả không thể đảo ngược. Đây là sự thay đổi căn bản trong tư duy pháp lý: chuyển từ xử lý hậu quả sang quản trị rủi ro dựa trên nguyên tắc thận trọng [3,5].

Bên cạnh đó, cơ quan tư pháp đóng vai trò thiết yếu trong việc thu hẹp khoảng cách giữa chính sách và thực thi. Các phán quyết tư pháp biến những cam kết môi trường mang tính định hướng thành nghĩa vụ pháp lý cụ thể, xác lập trách nhiệm giải trình của Nhà nước đối với các tác động môi trường từ những quyết định phát triển. Khi được bảo vệ bằng cơ chế tòa án, các tiêu chuẩn môi trường trở thành chuẩn mực có tính cưỡng chế thực hiện thực chất [2,4].



Người dân giương biểu ngữ bên ngoài Tòa án Tối cao trước khi tòa đưa ra phán quyết trong vụ án Urgenda vào ngày 20/12/2019

Dưới góc độ quản trị, tư pháp hóa quyền môi trường không chỉ là sự phát triển về kỹ thuật pháp lý mà còn định hình lại nhận thức xã hội. Việc thừa nhận môi trường là một vấn đề công lý giúp tăng cường trách nhiệm giải trình, buộc các chủ thể có thẩm quyền phải chứng minh tính bền vững trong các lựa chọn phát triển. Đây chính là nền tảng để mở rộng nội hàm và chủ thể của quyền môi trường trong giai đoạn tiếp theo.

3. QUÁ TRÌNH CỤ THỂ HÓA QUYỀN MÔI TRƯỜNG QUA CÁC VỤ KIẾN ĐIỂN HÌNH

Trong giai đoạn 2015–2025, thực tiễn xét xử toàn cầu đã chứng minh rằng tòa án không chỉ dừng lại ở vai trò giải quyết tranh chấp dân sự hay hành chính đơn thuần. Cơ quan tư pháp đã từng bước làm rõ nội hàm của quyền môi trường thông qua việc giải quyết những tình huống thực tế phức tạp, nơi các quy định pháp luật truyền thống chưa bao phủ hết. Quyền môi trường được "hiện thực hóa" rõ nét nhất qua ba nhóm xung đột điển hình:

Nhóm vụ án về biến đổi khí hậu

Biến đổi khí hậu bước vào phòng xử án không phải dưới dạng những khái niệm trừu tượng, mà thông qua các xung đột môi trường cụ thể, nơi hậu quả của sự chậm trễ trong hành động đã bắt đầu hiện hữu. Thực tiễn xét xử thập kỷ qua cho thấy một xu hướng quan trọng: Tòa án không còn xem biến đổi khí hậu là một rủi ro môi trường mang tính hệ thống nằm ngoài tầm kiểm soát tư pháp, mà là một thực thể pháp lý gắn liền với quyền con người [1].

Vụ Thế hệ tương lai kiện Chính phủ Colombia (Colombia -2018) là một trường hợp điển hình. Vụ án xuất phát từ thực trạng phá rừng Amazon gia tăng, làm suy yếu vai trò điều hòa khí hậu của khu vực. Các nguyên đơn là thanh thiếu niên đã đặt vấn đề ở cấp độ

cao hơn: phá rừng làm trầm trọng thêm biến đổi khí hậu, xâm hại trực tiếp quyền môi trường của họ. Điểm then chốt không nằm ở việc yêu cầu bảo vệ rừng - một mục tiêu vốn có trong chính sách - mà ở cách tòa án thiết lập mối liên hệ nhân quả giữa hành vi môi trường và quyền con người. Phá rừng không còn là thất bại quản lý đơn thuần mà là một yếu tố tạo ra rủi ro khí hậu xâm phạm quyền sống.

Điểm chuyển biến quan trọng trong tư duy xét xử hiện nay thể hiện qua cách thức tòa án thẩm định mối quan hệ giữa "hành vi thực hiện" và "sự thụ động" (không hành động) từ phía cơ quan công quyền. Trước đây, hệ thống tư pháp thường giữ thái độ thận trọng, tránh can thiệp sâu vào các chiến lược ứng phó biến đổi khí hậu vốn được coi là đặc quyền của nhánh hành pháp trong việc phân bổ nguồn lực và hoạch định chính sách quốc gia. Tuy nhiên, các án lệ tiêu biểu tại châu Âu như vụ kiện của Quỹ Urgenda (2019) tại Hà Lan hay vụ Duarte Agostinho (2024) đã xác lập một tiêu chuẩn mới: Tòa án có quyền và nghĩa vụ xem xét liệu các cam kết và hành động hiện tại của Nhà nước có "đủ" để bảo vệ quyền lợi của công dân trước rủi ro khí hậu hiện hữu hay không [3].

Trong vụ Urgenda, Tòa án Tối cao Hà Lan lần đầu tiên xác lập tiêu chuẩn "nghĩa vụ chăm sóc", buộc Chính phủ phải cắt giảm phát thải dựa trên chuẩn mực nhân quyền về quyền sống và quyền riêng tư (Điều 2 và Điều 8 Công ước ECHR). Tương tự, vụ Duarte Agostinho tại Tòa án Nhân quyền châu Âu đã thúc đẩy khái niệm trách nhiệm xuyên biên giới và công bằng liên thế hệ, thách thức sự thụ động của Nhà nước trước những tác động môi trường dài hạn [3].

Khi các bằng chứng khoa học (báo cáo của IPCC) cho thấy sự thiếu hụt trong nỗ lực thực thi, tòa án sẽ



chuyển hóa vấn đề từ một "chính sách chưa tối ưu" thành một "trách nhiệm pháp lý" đối với quyền môi trường. Tiến trình này không chỉ thu hẹp khoảng cách giữa các cam kết quốc tế và đời sống hằng ngày của người dân, mà còn khẳng định: bảo vệ khí hậu không còn là sự lựa chọn chính trị tự nguyện, mà là một nghĩa vụ pháp lý bắt buộc để bảo đảm quyền được sống trong môi trường trong lành.

Nhóm vụ án về bảo vệ hệ sinh thái

Các vụ kiện liên quan đến hệ sinh thái trong thập kỷ qua đã phản ánh một thực trạng báo động: các mô hình phát triển kinh tế truyền thống đã chạm ngưỡng hoặc vượt quá giới hạn chịu tải của tự nhiên. Tại đây, quyền môi trường đã ghi nhận một sự chuyển dịch căn bản về tư duy pháp lý: Thay vì chỉ bảo vệ môi trường như một "công cụ" để phục vụ sức khỏe hay lợi ích của con người (cách tiếp cận lấy con người làm trung tâm), tòa án hiện nay đã thừa nhận môi trường là một thực thể có giá trị độc lập. Theo đó, sự vẹn toàn của hệ sinh thái cần được bảo vệ vì chính giá trị tự thân của nó, ngay cả khi những tác động tiêu cực chưa biểu hiện trực tiếp lên đời sống con người (cách tiếp cận lấy hệ sinh thái làm trung tâm) [1].

Vụ án sông Atrato (Colombia - 2016) đánh dấu một bước đột phá trong lịch sử tư pháp môi trường toàn cầu khi Tòa án Hiến pháp nước này công nhận dòng sông là một "chủ thể quyền". Trước thực trạng khai thác khoáng sản trái phép gây ô nhiễm trầm trọng, tòa án đã bác bỏ cách tiếp cận quản lý hành chính thông thường vốn thường coi môi trường là đối tượng bị tác động. Thay vào đó, phán quyết xác lập cho sông Atrato các quyền cơ bản: quyền tồn tại, quyền được duy trì, quyền phục hồi và quyền được bảo vệ. Phán quyết này buộc Nhà nước phải thay đổi căn bản tư duy quản trị: suy thoái hệ sinh thái không phải là "ngoại ứng" hay "hệ quả phụ" tất yếu của phát triển, mà là một tổn hại nghiêm trọng đối với một thực thể pháp lý, đòi hỏi các biện pháp phục hồi mang tính bắt buộc và giám sát chặt chẽ từ cộng đồng dưới tư cách người bảo hộ.

Sự kiên định trong việc bảo vệ hệ sinh thái tiếp tục được củng cố qua vụ kiện sông Vilcabamba (Ecuador -2011). Điểm đặc sắc của vụ án này nằm ở việc thực thi tư duy "phòng ngừa trực tiếp" và nguyên tắc *In dubio pro natura* (Nếu có nghi ngờ, hãy ưu tiên thiên nhiên). Liên quan đến dự án hạ tầng mở rộng đường giao thông làm thay đổi dòng chảy tự nhiên, tòa án đã thực hiện một bước đi quyết liệt khi yêu cầu đình chỉ và khôi phục trạng thái ban đầu dựa trên quyền của tự nhiên đã được hiến định tại Ecuador. Tòa án đã thẳng thừng bác bỏ logic kinh tế phổ biến "phát triển trước, khắc phục sau" - một tư duy vốn thường dẫn

đến các tổn hại sinh thái không thể đảo ngược. Phán quyết khẳng định quyền môi trường không thể bị xem nhẹ trước các lợi ích hạ tầng ngắn hạn, đồng thời biến quyền này từ một khái niệm trừu tượng thành một công cụ pháp lý có khả năng can thiệp trực tiếp vào quá trình ra quyết định của chính quyền.

Từ các án lệ này, một thông điệp pháp lý quan trọng được gửi đến hệ thống quản trị toàn cầu: bảo vệ hệ sinh thái không còn dừng lại ở trách nhiệm chính trị mang tính định hướng, mà đã trở thành nghĩa vụ pháp lý có tính cưỡng chế. Việc tư pháp hóa bảo vệ hệ sinh thái giúp thiết lập một "ngưỡng đỏ" sinh thái mà các hoạt động phát triển không được phép vượt qua. Thông qua việc công nhận tư cách pháp lý của các thực thể tự nhiên như rừng và sông, tòa án đã tạo ra một cơ chế kiểm soát và đối trọng mạnh mẽ, buộc Nhà nước phải giải trình và chịu trách nhiệm về tính bền vững thực chất của các dự án phát triển đối với nền tảng sự sống.

Nhóm vụ án do thể hệ trẻ khởi xướng

Nhóm án lệ này tạo ra một phân khúc đặc thù trong thực tiễn tư pháp môi trường, khi đối tượng của tranh chấp không khởi nguồn từ những thiệt hại đã hiện hữu hay đã hoàn tất, mà tập trung vào các rủi ro xâm phạm quyền con người trong tương lai. Đặc điểm này đòi hỏi cơ quan tài phán phải giải quyết một thách thức pháp lý phức tạp: xác lập giá trị thực thi và tính định lượng của nguyên tắc "công bằng liên thế hệ".

Việc tòa án chấp nhận xem xét các yêu cầu ngăn chặn sự mất mát quyền lợi của thế hệ mai sau đã tạo nên bước ngoặt trong tư duy tố tụng. Điển hình như trong phán quyết của Tòa án Hiến pháp Liên bang Đức (2021), tòa án đã đưa ra lập luận sắc bén: Việc Nhà nước trì hoãn các nỗ lực bảo vệ khí hậu ở hiện tại chính là hành vi "tiêu dùng" quá mức không gian tự do của thế hệ tương lai. Theo đó, quyền tự do của thế hệ mai sau bị đe dọa vì họ sẽ phải đối mặt với những gánh nặng cắt giảm phát thải cực đoan hoặc những thảm họa sinh thái mà thế hệ hiện tại để lại. Phán quyết này đã nâng cấp công bằng liên thế hệ từ một ý niệm đạo đức thành một "nghĩa vụ bảo vệ" có tính hiến định.

Tương tự, trong vụ kiện của Thế hệ tương lai (Colombia - 2018) tại tòa án đã xác lập một tiền lệ về "quyền của những người chưa sinh ra". Tòa án lập luận rằng môi trường là một tài sản chung xuyên thời gian, và sự thụ động của chính quyền trong việc ngăn chặn phá rừng Amazon không chỉ là vi phạm hành chính, mà là hành vi tước đoạt điều kiện sống cơ bản của các thế hệ tiếp nối.

Tiến trình này buộc các chủ thể có thẩm quyền phải giải trình về các quyết định phát triển hiện tại dưới lăng kính trách nhiệm đối với các thế hệ chưa có tiếng nói chính trị. Bằng cách thừa nhận tư cách nguyên đơn



của trẻ em và thanh thiếu niên đại diện cho tương lai, hệ thống tư pháp đã chuyển hóa “công bằng liên thế hệ” thành một chuẩn mực pháp lý có tính cưỡng chế, xác lập bảo vệ môi trường là một nghĩa vụ không thể trì hoãn nhằm đảm bảo sự bền vững của quyền con người qua các thời đại.

Qua ba nhóm vụ việc tiêu biểu, có thể thấy quyền môi trường đã được định hình và mở rộng chủ yếu qua thực tiễn xét xử. Các phán quyết đã thu hẹp khoảng cách giữa chuẩn mực chính sách và đời sống thực tế, đưa tòa án trở thành cơ chế trung tâm trong việc bảo đảm quyền môi trường và nâng cao trách nhiệm giải trình của Nhà nước trước những rủi ro sinh thái đang diễn ra.

4. KẾT LUẬN VÀ MỘT SỐ KIẾN NGHỊ ĐỐI VỚI VIỆT NAM

Thực tiễn xét xử môi trường trong thập niên qua cho thấy quyền được sống trong môi trường trong lành đang từng bước được chuyển hóa từ một chuẩn mực chính sách mang tính định hướng thành một quyền có khả năng được bảo vệ bằng cơ chế tư pháp. Các phán quyết môi trường không chỉ làm rõ nội hàm của quyền môi trường, mà còn khẳng định vai trò ngày càng rõ nét của tòa án trong việc giám sát việc thực thi trách nhiệm bảo vệ môi trường của Nhà nước và các chủ thể có liên quan.

Đối với Việt Nam, xu hướng này mang ý nghĩa đặc biệt trong bối cảnh quyền được sống trong môi trường trong lành đã được hiến định, song việc bảo đảm quyền trên thực tế vẫn chủ yếu dựa vào các công cụ quản lý hành chính. Trong khi đó, hệ thống tòa án – với tư cách là thiết chế bảo vệ công lý và quyền con người – chưa thực sự phát huy đầy đủ vai trò trong việc xử lý các xung đột môi trường ngày càng phức tạp và kéo dài.

Từ góc độ đó, cần nhìn nhận tòa án không chỉ là cơ quan giải quyết tranh chấp sau khi thiệt hại đã xảy ra, mà còn là một chủ thể quan trọng trong việc phòng ngừa rủi ro môi trường và bảo vệ quyền môi trường một cách thực chất. Việc thụ lý, xem xét và giải quyết các vụ án môi trường, đặc biệt là những vụ việc liên quan đến ô nhiễm kéo dài, suy thoái hệ sinh thái hoặc nguy cơ tác động nghiêm trọng đến sức khỏe cộng đồng, sẽ góp phần đưa quyền môi trường từ quy định pháp lý trở thành quyền có thể được bảo vệ trong thực tiễn.

Trước hết, cần từng bước mở rộng khả năng tiếp cận tòa án trong các vụ việc môi trường. Việc tạo điều kiện cho cá nhân, cộng đồng dân cư và các nhóm dễ bị tổn thương khởi kiện để bảo vệ quyền môi trường sẽ giúp tăng cường vai trò của tòa án như một cơ chế kiểm soát quyền lực hiệu quả trong lĩnh vực môi trường. Thông qua hoạt động xét xử, tòa án có thể xem xét mức độ tuân thủ pháp luật môi trường của các cơ quan quản

lý và các chủ thể phát triển, qua đó góp phần nâng cao trách nhiệm giải trình trong quản trị môi trường.

Thứ hai, cần tăng cường năng lực xét xử các vụ án môi trường trong hệ thống tòa án. Các tranh chấp môi trường thường có tính chất phức tạp, liên quan đến yếu tố khoa học, kỹ thuật và tác động dài hạn. Việc nâng cao kiến thức chuyên môn về môi trường cho thẩm phán, đồng thời tăng cường cơ chế hỗ trợ chuyên gia trong quá trình xét xử, sẽ giúp tòa án đánh giá đầy đủ hơn các rủi ro môi trường và đưa ra phán quyết phù hợp với yêu cầu bảo vệ quyền con người.

Thứ ba, cần coi các phán quyết môi trường là một nguồn tham chiếu quan trọng cho quá trình hoàn thiện pháp luật và chính sách môi trường. Thông qua việc tổng kết thực tiễn xét xử, những khoảng trống và bất cập trong hệ thống pháp luật môi trường có thể được nhận diện rõ hơn, từ đó phục vụ cho việc sửa đổi, bổ sung các quy định liên quan. Cách tiếp cận này giúp tăng cường sự gắn kết giữa tư pháp và lập pháp, bảo đảm rằng các chính sách môi trường được xây dựng trên cơ sở thực tiễn bảo vệ quyền.

Cuối cùng, việc tăng cường vai trò của tòa án trong bảo vệ quyền môi trường cũng cần đi đôi với việc nâng cao nhận thức xã hội về công lý môi trường. Thông qua việc phân tích và phản ánh các vụ án môi trường một cách có chiều sâu, báo chí và truyền thông có thể góp phần làm rõ vai trò của tư pháp trong bảo vệ quyền môi trường, từ đó thúc đẩy sự hình thành văn hóa pháp lý trong xã hội, nơi môi trường được nhìn nhận như một quyền có thể được bảo vệ bằng pháp luật.

Trong bối cảnh Việt Nam đang đối mặt với nhiều thách thức môi trường mang tính dài hạn, việc phát huy vai trò của hệ thống tòa án trong bảo vệ quyền được sống trong môi trường trong lành không chỉ là yêu cầu pháp lý, mà còn là một điều kiện quan trọng để nâng cao hiệu quả quản trị môi trường và bảo đảm quyền con người trong tiến trình phát triển bền vững■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *European Court of Human Rights* (2024), *Duarte Agostinho and Others v. Portugal and Others*.
2. *Federal Constitutional Court of Germany* (2021), *Order of the First Senate on the Climate Protection Act*.
3. *Inter-American Court of Human Rights* (2017), *Advisory Opinion OC-23/17 on the Environment and Human Rights*.
4. *Supreme Court of Colombia* (2018), *Future Generations v. Ministry of the Environment and Others*.
5. *Supreme Court of the Netherlands* (2019), *Urgenda Foundation v. The State of the Netherlands*.
6. *United Nations Environment Programme (UNEP)* (2025), *The Right to a Healthy Environment in Practice: A Decade Before the Courts (2015–2025)*.